

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 - 6 - 2021.

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Đức.

Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Thạch T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 13 tháng 4 năm 2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Vào năm 1989 bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T kết hôn. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, bà L và ông T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nữa. Nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thạch T.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T có ba người con chung tên Thạch Thị L, sinh năm 1990; Huỳnh Minh H, sinh năm 1997; Thạch Thị N, sinh năm 2002. Cả ba người con đã trên 18 tuổi nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 19 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Thạch T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về việc ông và bà L kết hôn vào năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 2014. Ông và bà L chung sống hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn không lớn. Nay bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà L.

- Về con chung: Ông Thạch T và bà Huỳnh Thị L có ba người con chung tên Thạch Thị L, sinh năm 1990; Huỳnh Minh H, sinh năm 1997; Thạch Thị N, sinh năm 2002. Cả ba người con đã trên 18 tuổi. Nếu phải ly hôn thì ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, L phí Tòa án; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị L; Về con chung: Thạch Thị L, sinh năm 1990; Huỳnh Minh H, sinh năm 1997; Thạch Thị N, sinh năm 2002, cả ba người con đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ

chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T kết hôn vào năm 1989. Đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn, nhưng ông T không có cách nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và theo như lời trình bày của bà L, lời thừa nhận của ông T tại phiên tòa thì từ cuối năm 2020 khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đến nay, bà L và ông T không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, giữa bà L và ông T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị L.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T có ba người con chung là Thạch Thị L, sinh năm 1990; Huỳnh Minh H, sinh năm 1997; Thạch Thị N, sinh năm 2002. Xét thấy, cả ba người con chung đều đã trên 18 tuổi. Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được quyền ly hôn với ông Thạch T.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Thạch T có ba người con chung Thạch Thị L, sinh năm 1990; Huỳnh Minh H, sinh năm 1997; Thạch Thị N, sinh năm 2002. Cả ba người con chung đều đã trên 18 tuổi. Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008203 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Huỳnh Thị L đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện X;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ